TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2023
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa chị Th và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng

Ông Phạm Văn Lịch.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 113, Tổ dân phố A, thị trấn , huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm 11, xã HS, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị Th, anh Đ xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17-5-2023, bản tự khai ngày 08-6-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày:

Chị Lê Thị Th và anh Lê Văn Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 04-7-2018 tại Ủy ban nhân dân phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh một thời gian thì về quê nhà chị Th tại tỉnh Thừa Thiên Huế để sinh sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống của hai người khác nhau nên thường xảy ra cãi cọ. Vì vậy, chị Th và anh Đ đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ cuối năm 2020 đến nay. Kể từ khi sống ly thân, chị Th và con chung sinh sống tại Thừa Thiên Huế còn anh Đ trở về quê sống với bố mẹ đẻ tại xóm 11, xã Hải Sơn. Trong suốt thời gian sống ly thân, chị Th và anh Đ đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị Th ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Th, anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Mộc Tâm, sinh ngày 01-6-2018, hiện đang do chị Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Th xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê Văn Đ có lời khai phù hợp với lời khai của chị Th về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn, anh Đ xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Mộc Tâm, sinh ngày 01-6-2018, hiện đang do chị Th nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Đ nhất trí giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Đ xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Th và anh Lê Văn Đ đều có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Th, anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Th và anh Lê Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn ngày 04-7-2018.

Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp; vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên chị Th và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị Th, anh Đ đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ

tình cảm, trách nhiệm với nhau từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị Th và anh Đ đã tự hòa giải nhưng không thành, không đoàn tụ được.

Trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của chị Th có xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn; căn cứ lời khai của anh Đ và chị Th về nguyện vọng xin được ly hôn, Hội đồng xét xử xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Đ đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Lê Văn Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Th và anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Mộc Tâm, sinh ngày 01-6-2018. Hiện con chung đang ở với chị Th. Khi ly hôn, chị Th, anh Đ đều có nguyện vọng giao chị Th tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th. Xét nguyện vọng của chị Th, anh Đ trong việc nuôi con là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên xét cần giao cháu Tâm cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Th, anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Th phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Mộc Tâm, sinh ngày 01-6-2018 cho chị Lê Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Th. Chị Th, anh Đ có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung. (Do cháu Tâm đang ở với chị Th nên anh Đ không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho chị Th nuôi dưỡng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

chị Lê Thị Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002664 ngày 07-6-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị Lê Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND phường 8, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PTH TÒA

Vũ Văn Ái